TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: **17**/2021/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đương và bà Nguyễn Thị Huề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết D - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST – HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/ QĐXXST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình D**; sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình Sừng và con bà Nguyễn Thị Nhân (đều đã chết); có vợ: Nguyễn Khánh L, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quá trình sinh sống chưa vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

2. **Đàm Quang Th1**; sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn Thái Thuần, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Thanh Kỳ (Đàm Văn Kỳ), hiện đã chết và con bà Nguyễn Thị Sậy, sinh năm 1927, trú tại thôn Thái Thuần, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; có vợ: Trần Thị Đoán, sinh năm 1971 và có 04 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1987 nhập ngũ đến năm 1990 xuất ngũ; Quyết định số 369/QĐ/XPVPHC ngày 20/6/2008, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định

ngày 25/6/2008.Quyết định số 73/QĐ/XPVPHC ngày 02/3/2010, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 08/3/2010. Quyết định số 89/QĐ/XPVPHC ngày 14/01/2011, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 17/01/2011. Bản án số 24/2013/HSST ngày 01/4/2013, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử 07 tháng tù giam về tội "Đánh bạc", khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, nộp án phí sơ thẩm ngày 21/6/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2014, được miễn toàn bộ khoản tiền phạt bổ sung theo Quyết định số 02/2019/QĐST-MKTNNSNN ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

3. **Lê Công T5**; sinh ngày: 10/12/1975.

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Quế 5, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công Quay, sinh năm 1949 và con bà Tống Thị Hạnh, sinh năm 1952, cùng trú tại thôn Ngọc Quế 5, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; có vợ: Chu Thị Hoài (Chuyền), sinh năm 1988 và có 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 112/QĐ/XPVPHC ngày 16/7/2020, Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe người khác", thi hành xong quyết định ngày 17/7/2020; nhân thân: Năm 1995 nhập ngũ đến năm 1996 xuất ngũ; Quyết định số 328/QĐ/XPVPHC ngày 24/4/2008, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 24/4/2008. Bản án số 36/2014/HSPT ngày 22/5/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc", khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí ngày 13/6/2014.

Ngày 03/7/2020, Lê Công T5 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng yên khởi tố, điều tra về tội "Đánh bạc", khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020 được thay T2 bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Đánh bạc", theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự (đã có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

4. **Nguyễn Đức P**; sinh ngày 28/11/1986.

Nơi cư trú: thôn T5 Châu Đông, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Nên (đã

chết) và con bà Đặng Thị Hay, sinh năm 1959, trú tại thôn T5 Châu Đông, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; có vợ: Nguyễn Thị Phường, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quá trình sinh sống chưa vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

5. **Nguyễn Văn Th2** (Tên gọi khác: Nguyễn Công Th2); sinh ngày 04/4/1979.

Nơi cư trú: Thôn Lương Cầu, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết Huỳnh (đã chết); ngày 19/4/2005, ông Huỳnh được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và con bà Trần Thị Thanh An, sinh năm 1949, trú tại xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; có vợ: Trần Thị Hường, sinh năm 1978 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 2064/1998/HSPT ngày 26/10/1998, Tòa P thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 18 năm tù giam về tội "Giết người", khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985, thi hành xong án phí, bồi thường trách nhiệm dân sự tháng 7/2006; đặc xá tha tù trước thời hạn ngày 24/10/2007.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

6. **Nguyễn Hữu T9** (Tên gọi khác: Trường); sinh ngày 01/12/1971.

Nơi cư trú: Thôn Lương Cầu, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Chuồi và con bà Phạm Thị Liền (đều đã chết); có vợ Đào Thị Chuynh, sinh năm 1975 và có 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 120/2012/HSST ngày 17/10/2012, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma T1y", khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, thi hành xong án phí ngày 17/10/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

7. **Nguyễn Văn T1**; sinh ngày 26/02/1965.

Nơi cư trú: Thôn Thái Thuần, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Tuyển và con bà Phạm Thị Huế (đều đã chết); có vợ: Nguyễn Thị Quế, sinh năm 1964 và có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1984 nhập ngũ đến năm 1987 xuất ngũ; Quyết định số 44/QĐ/XPVPHC ngày 22/3/2007, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm

hành chính số tiền 700.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 27/3/2007. Bản án số 33/2007/HSST ngày 28/8/2007, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội "Đánh bạc", khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, thi hành xong bản án ngày 28/8/2008. Quyết định số 59/QĐ/XPVPHC ngày 12/12/2007, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 13/12/2007; Quyết định số 368/QĐ/XPVPHC ngày 20/6/2008, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 25/6/2008. Quyết định số 70/QĐ/XPVPHC ngày 02/3/2010, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 08/3/2010. Quyết định số 92/QĐ/XPVPHC ngày 14/01/2011, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 17/01/2011. Bản án số 24/2013/HSST ngày 01/4/2013, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc", khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2013, nộp án phí sơ thẩm ngày 12/11/2018, được miễn khoản tiền phạt bổ sung theo Quyết định số 05/2019/QĐST-MKTNNSNN ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

8. **Nguyễn Văn D**; sinh ngày 21/01/1962.

Nơi cư trú: Thôn Xuân Lai, xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Quảng (đã chết); ngày 12/9/1963 và 02/12/1987, ông Quảng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và con bà Nguyễn Thị Ba, sinh năm 1938; có vợ: Nguyễn Thị Thìn, sinh năm 1960 và có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 166/QĐ/XPVPHC ngày 25/02/2008, Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 25/02/2008.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

9. **Phạm Văn T2**; sinh ngày 22/12/1976.

Nơi cư trú: Thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Thê (đã chết) và con bà Phạm Thị Thiềm, sinh năm 1944; có vợ: Nguyễn Thị Dần, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

nhân thân: Tháng 02/1995 nhập ngũ đến năm tháng 5/1997 xuất ngũ về địa phương. Quá trình sinh sống chưa vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

(Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Khánh L đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/11/2020, tại trang trại của Nguyễn Đình D ở thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Công an xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ phát hiện D cùng Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1 và Nguyễn Hữu T9 đang thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng". Lợi dụng sơ hở trong quá trình bắt giữ T5, Th1 đã bỏ chạy; vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài T1 lơ khơ 51 lá và số tiền 1.640.000 đồng. Sau khi nhận được báo cáo của Công an xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã tiến hành triệu tập Lê Công T5, Đàm Quang Th1. Tại Cơ quan điều tra D, T5, P, Th1 và T9 đều khai trước thời điểm chuyển sang đánh "liêng" bị Công an xã An Cầu phát hiện còn có Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th2 và Phạm Văn T2 cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh "xóc đĩa". Khi được Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc, T1, D, Th2 và T2 cũng khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc. Cơ quan điều tra quản lý của D 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 01 chiếc kéo kim loại có tay cầm bằng nhựa màu xanh và tổng số tiền đánh bạc các bị cáo tự nguyện giao nộp lại là 8.240.000 đồng, trong đó: Đàm Quang Th1 4.210.000 đồng, Lê Công T5 1.300.000 đồng, Nguyễn Đức P 1.200.000 đồng, Phạm Văn T2 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn T1 530.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định như sau: Vào trưa ngày 10/11/2020, Nguyễn Đình D có mời Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D đến nhà ăn cơm. Sau đó lần lượt có Lê Công T5 cùng vợ là chị Chu Thị Chuyền (Hoài), sinh năm 1988, trú tại thôn Đồng Bốn, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Đức P cũng đến vào ngồi ăn cơm cùng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, đang ngồi uống nước, D nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền nên rủ: *"Anh em mình làm tý xóc đĩa ăn tiền".* T5, P, T1, D đồng ý. Lúc này chị Chuyền mệt nằm ngủ trong nhà nên không biết. D trả T5 số tiền 1.500.000 đồng trước đó vài ngày D vay T5 khi đi mua cám rồi đi vào bếp cầm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và lấy trên giường 01 bộ bài T1 lơ khơ để lên mặt chiếc phản bê tông ngoài sân gần cổng. T5 dùng chiếc kéo ở cửa sổ nhà D cắt 01 lá bài T1 lơ khơ thành 04 quân vị hình tròn có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi quân vị khoảng 01cm rồi cùng với D, P, T1, D ngồi quay

tròn trên phản bê tông theo chiều quay kim đồng hồ thứ tự từ cổng vào đầu tiên là D đến T5, D, T1, P bắt đầu thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa". D là người cầm cái, cùng thống nhất tiền đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 300.000 đồng. Khoảng 13 giờ 20 phút, Đàm Quang Th1 đến vào ngồi giữa T5 và D tham gia đánh bạc. P đánh bạc đến 13 giờ 30 phút bị thua hết tiền nên vay Th1 số tiền 3.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc. Khoảng 13 giờ 35 phút, Phạm Văn T2 và Nguyễn Văn Th2 đến trang trại nhà D làm đất thấy mọi người đánh bạc nên vào đứng sau D (T2 đứng sau tay phải, Th2 đứng sau tay trái D) cùng tham đánh bạc theo hình thức, mức sát phạt như trên. Th2 đánh bạc đến 14 giờ bị thua hết tiền nên vay T5 số tiền 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc. D và T1 đánh bạc đến 14 giờ 05 phút do có việc nhà nên dừng lại đi về. Trước khi về, D trả Th1 số tiền 500.000 đồng vay cá nhân từ vài ngày trước đó (lấy từ nguồn tiền đánh bạc). D cầm cái đến khoảng 14 giờ 20 phút bị thua gần hết tiền nên chuyển cho T5 cầm cái. Khoảng 14 giờ 30 phút, T9 đến đứng phía sau D và P cùng tham gia đánh bạc. T2 và Th2 đánh bạc đến 14 giờ 35 phút dừng lại để đi làm. T9 thua bạc nên vay P số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. T5 cầm cái đến 14 giờ 45 phút bị thua đã chuyển lại cái cho P cầm. P cầm cái được khoảng 07 đến 08 ván bạc. D quan sát thấy còn ít người đặt cửa nên bảo: *"Anh em không đánh xóc đĩa nữa, chuyển sang đánh liêng".* T5, P, Th1, T9 đồng ý. P để bát đĩa và quân vị ra cạnh. D cầm bộ bài T1 lơ khơ còn 51 lá cùng với T5, P, Th1, T9 ngồi quây tròn trên mặt phản bê tông, theo chiều quay kim đồng hồ, thứ tự từ cổng vào đầu tiên là D tiếp đến là Th1, P, T5 và T9. D chia ván bạc đầu tiên, cùng thống nhất tiền gà là 20.000 đồng, tiền tố cao nhất là 200.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 30 phút thì bị Công an xã An Cầu phát hiện, lập biên bản, thu giữ, quản lý các vật chứng như đã nêu trên. Đối với 04 quân vị, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không truy tìm được.

Bản Cáo trạng số 15/CT-VKSQP ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 về tội: "Đánh bạc", quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 phạm tội "*Đánh bạc*";

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; các điểm i, s khoản 1 Điều 51và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Công T5** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên là 03 năm 03 tháng tù (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020). Buộc bị cáo Lê Công T5 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 04 năm 03 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2020 (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam theo Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, từ ngày 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đàm Quang Th1** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th2** (Nguyễn Công Th2) từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T9** từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức P** từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức P cho Ủy ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2** từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu số tiền 9.880.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước; Tịch thu tiêu hủy bộ bài T1 lơ khơ 51 lá bài; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo cắt bằng kim loại.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều khai nhận như sau: Nguyễn Đình D khai số tiền đánh bạc là 1.300.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người. Đàm Quang Th1 khai số tiền đánh bạc khoảng 5.000.000 đồng, trích cho Nguyễn Đức P vay số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, kết thúc đánh xóc đĩa P đã trả lại số tiền 3.000.000 đồng, được Nguyễn Văn D trả nợ số tiền 500.000 đồng vay chi tiêu trước đó, thua bạc nên khi bị phát hiện bỏ chạy cầm theo số tiền là 4.210.000 đồng. Lê Công T5 khai nhận có tham gia đánh "liêng" cùng các bị cáo D, P, Th1, T9 cho đến khi Công an xã An Cầu phát hiện và khai số tiền đánh bạc là 1.500.000 đồng, thắng trong quá trình đánh bạc nên cho Nguyễn Văn Th2 vay số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị phát hiện bỏ chạy cầm theo số tiền là 1.300.000 đồng. P khai số tiền đánh bạc ban đầu là 200.000 đồng, bị thua nên vay của Th1 số tiền 3.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, cho T9 vay số tiền 600.000 đồng đánh bạc, kết thúc đánh xóc đĩa P đã trả lại Th1 số tiền 3.000.000 đồng, đến khi bị phát hiện số tiền còn lại là 1.200.000 đồng. Nguyễn Văn Th2 khai số tiền ban đầu đánh bạc khoảng 2.500.000 đồng, bị thua nên vay của T5 số tiền 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc bị thua hết. Phạm Văn T2 khai số tiền đánh bạc là 400.000 đồng, thắng bạc 600.000 đồng, mang về số tiền 1.000.000 đồng. Nguyễn Hữu T9 khai số tiền đánh bạc ban đầu là 100.000 đồng, bị thua nên vay của P số tiền 600.000 đồng tiếp tục đánh bạc, khi bị phát hiện không có tiền trên người. Nguyễn Văn T1 khai số tiền đánh bạc khoảng 500.000 đồng, thắng bạc 30.000 đồng, mang về số tiền 530.000 đồng; Nguyễn Văn D khai số tiền đánh bạc khoảng 180.000 đồng, thắng 320.000 đồng đã dùng để trả nợ Th1 số tiền vay chi tiêu trước đó là 500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai mang đến sử dụng đánh bạc là 11.680.000 đồng nhiều hơn số tiền thu tại chỗ ngồi đánh bạc và các bị cáo giao nộp lại là 1.800.000 đồng. Tuy nhiên các bị cáo đều khai nhận không nhớ rõ số tiền mang theo trên người, đều khẳng định tiền thu tại phản ngồi đánh bạc, cầm theo khi bỏ chạy và mang về sau đó nộp lại là toàn bộ tiền đánh bạc. Không có ai cầm cố tài sản, canh coi, cảnh giới khi đánh bạc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Khánh L trình bày: Chị là vợ bị cáo D và ngày 10/11/2020 chị đi làm, không ở nhà nên không biết các bị cáo đến và đánh bạc cùng D tại gia đình nhà chị. Đối với vật chứng gồm bát sứ, đĩa sứ và chiếc kéo là tài sản chung của gia đình chị nhưng chị không có đề nghị được nhận lại, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng đều trình bày nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Báo cáo, biên bản vụ việc, biên bản quản lý tang vật, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu do Công an xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; lập ngày 10/11/2020 tại trang trại của Nguyễn Đình D ở thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 01 - 04); Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu của Nguyễn Đình D; Biên bản quản lý tiền của Đàm Quang Th1, Lê Công T5, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đức P; Biên bản niêm phong do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện Quỳnh Phụ lập ngày 11/11/2020 tại trụ sở Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 17 - 27); Biên bản xác minh ngày 15/11/2020, trích lục thửa đất và sơ đồ hiện trường vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập và do các bị cáo tự mô tả (bút lục số 150 - 159); Biên bản truy tìm vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 11/11/2020 (bút lục số 142); Các biên bản đối chất do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 12/01/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 160 - 167) và các tài liệu, chứng cứ khác.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 10/11/2020, tại trang trại của Nguyễn Đình D ở thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Phạm Văn T2 cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa" đến khoảng 15 giờ thì T1, D, Th2, T2 bỏ về trước còn lại D, T5, P, Th1, T9 chuyển sang đánh bạc dưới hình thức đánh "liêng" cho tới 15 giờ 30 phút thì bị Công an xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài T1 lơ khơ 51 lá; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo cắt bằng kim loại; thu giữ và quản lý tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 9.880.000 đồng.

Hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh *"xóc đĩa"* và *"liêng"* của các bị cáo đã phạm tội *"Đánh bạc",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321.Tội đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác, để có tiền các bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức đánh "Xóc đĩa" và "liêng". Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thành khẩn khai báo",* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo D, P, D và T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo T5, Th1, T1, T2 do có thời gian phục vụ trong quân đội; bị cáo Th2 và bị cáo D có bố đẻ là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Đức P, Phạm Văn T2 có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo T5 có 01 tiền sự; 01 lần xử phạt hành chính và có 01 bản án đã được xóa án tích. Ngoài ra bị cáo T5 phạm tội khi đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên khởi tố, điều tra về hành vi "Đánh bạc"; bị cáo Th1 đã bị 03 lần xử phạt hành chính và có 01 bản án đã được xóa án tích; các bị cáo Th2, T9 đều đã có 01 bản án được xóa án tích; bị cáo T1 đã 05 lần xử phạt vi phạm hành chính và có 02 bản án được xóa án tích; bị cáo D đã 01 lần xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Về đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo là nhất thời, thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ tư lợi. Các bị cáo đánh bạc với mức độ sát phạt không lớn. Trong đó, bị cáo D là người chuẩn bị công cụ và chứa chấp việc đánh bạc, bị cáo T5 cắt quân vị và đều là người cầm cái; bị cáo Th1 tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất là 5.000.000

đồng, bị cáo Th2 là 4.500.000 đồng nên xếp bị cáo D, T5, Th1, Th2 ở vai trò thứ nhất. Bị cáo P cầm cái khoảng 7 đến 8 ván, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo T9, T1 có số tiền đánh bạc không lớn cho nên xếp các bị cáo P, T9, T1 ở vai trò thứ hai. Các bị cáo T2, D là hưởng ứng và trực tiếp tham gia chơi, do vậy xếp ở vai trò thứ ba.

[10] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đình D là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và chứa chấp việc đánh bạc, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng)* quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đàm Quang Th1 là người tham gia tích cực việc đánh bạc, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo; có thời gian tham gia quân đội)* quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Th2 là người tham gia tích cực việc đánh bạc, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo; có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến)* quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo D, Th1 và bị cáo Th2 cần áp dụng mức tương xứng mà ông Kiểm sát viên đề nghị theo khoản 1 Điều 321, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo D, Th1, Th2 phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhất định để các bị cáo D, Th1, Th2 có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật

Bị cáo Lê Công T5 là người chuẩn bị công cụ đánh bạc và có nhân thân xấu; phạm tội khi đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên khởi tố, điều tra về hành vi "Đánh bạc"; đến nay đã bị xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020). Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T5 cần áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án, buộc bị cáo T5 phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhất định để bị cáo T5 có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hữu T9 là người tham gia đánh bạc, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo)* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người tham gia đánh bạc, có nhân thân xấu, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo;bản thân đã tham gia nghĩa vụ quân sự)* quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T9, T1 cần áp dụng mức tương xứng mà ông Kiểm sát viên đề nghị theo khoản 1 Điều 321 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T9, T1 phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhất định để bị cáo T9 có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

Bị cáo P là người tham gia đánh bạc và có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng)* quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo P cần căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy không cần bắt bị cáo P phải chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo P hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của ông Kiểm sát viên.

Bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Văn D đều có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ *(Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng: ngoài ra bị cáo T2 có thời gian tham gia quân đội; bị cáo D có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến*) quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết phải cách L bị cáo T2, D khỏi xã hội như đề nghị của ông Kiểm sát viên. Căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo T2, D. Theo các tài liệu xác minh và tại phiên tòa các bị cáo khai thu nhập không ổn định, do vậy không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo D, T2.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy, các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau bằng tiền. Vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của ông Kiểm sát viên là phù hợp.

[12] Đối với chị Chu Thị Chuyền (Hoài) vợ bị cáo Lê Công T5 không tham gia đánh bạc, thời gian xảy ra vụ án chị Chuyền ngủ trong nhà bị cáo Nguyễn Đình D, không biết việc đánh bạc của các bị cáo. Chị Nguyễn Khánh L là vợ bị cáo D, kết quả điều tra xác định ngày 10/11/2020 chị đi làm, không ở nhà nên không biết các bị cáo đến và đánh bạc cùng D tại gia đình. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã không xử lý đối với chị Chuyền và chị L là đúng pháp luật.

[13] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu số tiền 9.880.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Tịch thu tiêu hủy bộ bài T1 lơ khơ 51 lá bài; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo cắt bằng kim loại. Đối với 04 quân vị, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không truy tìm được, do đó không xử lý.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 phạm tội: ***"Đánh bạc".***

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Công T5** 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 01/2021/HSST, ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên là 03 năm 03 tháng tù về tội*"Đánh bạc"* (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020). Buộc bị cáo Lê Công T5 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 *(bốn)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2020 (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam theo Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên từ ngày 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020).

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; các điểm i, s khoản 1 Điều 51và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đàm Quang Th1** 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th2** (tên khác: Nguyễn Công Th2) 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T9** 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức P** 09 *(chín)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức P cho Ủy ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 21 *(hai mươi mốt)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Uỷ ban nhân dân xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2** 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T2 tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Uỷ ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn T2.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn Th2 mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng);* phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu huỷ gồm: 51 lá bài; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo cắt bằng kim loại. Tịch thu số tiền 9.880.000 đồng *(Chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)* các bị cáo sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách nhà nước.

(*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 01 tháng 02 năm 2021*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Khánh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2021).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra CA h.Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Cầu, xã An Ấp, xã An Thái;
- CQTHAHS Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi….giờ … ngày 09 tháng 3 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đương và bà Nguyễn Thị Huề

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình D**; sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

2. **Đàm Quang Th1**; sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn Thái Thuần, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

5. **Nguyễn Văn Th2** (Tên gọi khác: Nguyễn Công Th2); sinh ngày 04/4/1979.

Nơi cư trú: Thôn Lương Cầu, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

6. **Nguyễn Hữu T9** (Tên gọi khác: Trường); sinh ngày 01/12/1971.

Nơi cư trú: Thôn Lương Cầu, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

7. **Nguyễn Văn T1**; sinh ngày 26/02/1965.

Nơi cư trú: Thôn Thái Thuần, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

8. **Nguyễn Văn D**; sinh ngày 21/01/1962.

Nơi cư trú: Thôn Xuân Lai, xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

9. **Phạm Văn T2**; sinh ngày 22/12/1976.

Nơi cư trú: Thôn Tư Cương, xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 phạm tội: ***"Đánh bạc".***

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Công T5** 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 01/2021/HSST, ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên là 03 năm 03 tháng tù (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020). Buộc bị cáo Lê Công T5 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 *(bốn)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/11/2020 (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam theo Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên từ ngày 24/6/2020 đến ngày 21/8/2020).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38, Điều 50; các điểm i, s khoản 1 Điều 51và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình D** 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đàm Quang Th1** 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th2** (tên khác: Nguyễn Công Th2) 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T9** 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức P** 09

(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(mười tám)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đức P cho Ủy ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 21 *(hai mươi mốt)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Uỷ ban nhân dân xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2** 18 *(mười tám)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T2 tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Uỷ ban nhân dân xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn T2.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn Th2 mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng);* phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu huỷ gồm: 51 lá bài; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo cắt bằng kim loại. Tịch thu số tiền 9.880.000 đồng *(Chín*

triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách nhà nước.

(*Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 01 tháng 02 năm 2021*).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Đình D, Lê Công T5, Nguyễn Đức P, Đàm Quang Th1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Khánh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2021).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ ……. phút, ngày 09 tháng 3 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng